

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 04-4-2018

V/v “*Tranh chấp ly hôn và
tranh chấp quyền nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Bà Nguyễn Thị Thu Thủy.

2/. Ông Đặng Thế Nghiệp.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thơ –Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Càng Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa:
ông Phan Văn Hiếu-Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2017/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 11 năm 2017 về “*Tranh chấp ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2018/QĐXXST-HN ngày 20 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Dương Văn V, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: chị Lê Thị Q, sinh năm 1985 (có mặt).

Nơi Đăng ký HKTT: ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Chỗ ở hiện nay: ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai và tại phiên tòa anh Dương Văn V trình bày: anh và chị Q do quen biết và được sự đồng ý của gia đình, đã đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C vào ngày 30/6/2012, nữ trang ngày cưới gồm 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24kra, 01 sợi dây chuyền 03 chỉ vàng 24kra, 01 tấm lắc 02 chỉ vàng 24kra, 01 cặp nhẫn cưới 01 chỉ vàng 18kra, số vàng này vợ chồng đã bán để làm ăn hiện nay không còn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 6 năm 2014 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, không còn quan hệ vợ chồng, không ai quan tâm đến ai. Tuy sống

chung nhà nhưng vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, bất đồng quan điểm vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên chị Q đã về nhà mẹ ruột ở từ ngày 25 tháng 12 năm 2017 âm lịch cho đến nay.

Về con chung: Quá trình vợ chồng sống hạnh phúc sinh được 01 người con chung tên Dương Thị Lan A, sinh ngày 17/7/2012 hiện đang sống với anh V.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tạo lập tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng không có thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng anh.

Nay về quan hệ hôn nhân: Anh xin được ly hôn với chị Lê Thị Q; Về con chung: tên Dương Thị Lan A, sinh ngày 17/7/2012 hiện đang sống chung với anh V, sau khi ly hôn anh V xin được tiếp tục nuôi dưỡng con, anh không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa chị Lê Thị Q trình bày: Chị là vợ của anh Dương Văn V. Chị hoàn toàn thống nhất lời trình bày của anh V về hôn nhân, nữ trang, con chung là đúng sự thật. Quá trình chung sống vợ chồng không có tạo lập tài sản chung, vợ chồng không có thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng chị. Quá trình chung sống mặc dù vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không tìm được tiếng nói chung, không còn quan hệ vợ chồng từ năm 2014 đến nay, không ai quan tâm đến ai nên chị đã về nhà mẹ ruột sống từ ngày 25 tháng 12 năm 2017 âm lịch đến nay.

Nay về quan hệ hôn nhân chị không đồng ý ly hôn với anh Dương Văn V, trường hợp anh V cương quyết ly hôn chị cũng không đồng ý, về con chung tên Dương Thị Lan A, sinh ngày 17/7/2012 hiện đang sống chung với anh V, trường hợp ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con, chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ kiện Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Dương Văn V.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Dương Văn V và chị Lê Thị Q được ly hôn.
- Về con chung: anh Dương Văn V được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Dương Thị Lan A, sinh ngày 17/7/2012.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự chưa có yêu cầu nên không xét đến.

Chị Lê Thị Q được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét.

Vì còn đề nghị buộc anh Dương Văn V có nghĩa vụ chịu án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về xác định quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của anh Dương Văn V và chị Lê Thị Q được xác lập vào năm 2012 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C vào ngày 30/6/2012, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 6 năm 2014 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, không còn quan hệ vợ chồng, không ai quan tâm đến ai. Tuy sống chung nhà nhưng vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên chị Q đã về nhà mẹ ruột ở từ ngày 25 tháng 12 năm 2017 âm lịch cho đến nay. Nay anh V nhận thấy không còn tình cảm với chị Q nên yêu cầu được ly hôn.

Chị Q không đồng ý ly hôn với anh Dương Văn V, mặc dù vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không tìm được tiếng nói chung, không còn quan hệ vợ chồng từ năm 2014 đến nay, không ai quan tâm đến ai nên chị đã về nhà mẹ ruột sống từ ngày 25 tháng 12 năm 2017 âm lịch đến nay, chị yêu cầu được đoàn tụ nhưng không đưa ra được hướng đoàn tụ để hàn gắn tình cảm vợ chồng, xây dựng gia đình hạnh phúc, mâu thuẫn giữa anh V và chị Q đã được gia đình hai bên hòa giải, hàn gắn nhưng không kết quả. Qua xác minh Chính quyền địa phương thì anh V và chị Q thời gian đầu sống hạnh phúc, từ năm 2014 đến nay hay xảy ra cự cãi, không ai quan tâm đến ai và đỉnh điểm nhất là khoảng ngày 26 tháng 12 năm 2017 âm lịch anh V và gia đình đi công việc nên khóa cửa, chiều chị Q về không vào được nhà nên chị về nhà cha mẹ ruột ở và để cháu Lan A lại cho anh V nuôi đến nay.

Từ các nguyên nhân trên xét thấy mâu thuẫn tình cảm giữa anh V và chị Q ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa anh V xin ly hôn với chị Q là có căn cứ, đúng qui định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu cho anh V và chị Q được ly hôn với nhau.

[2.2] Về con chung tên: Dương Thị Lan A, sinh ngày 17/7/2012 hiện đang sống chung với anh V. Tại Tòa hôm nay anh V, chị Q đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, cháu Lan A từ lúc sinh ra cho đến nay sống chung với gia đình anh V, trong thời gian ly thân anh V vẫn chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lan A chu đáo về mọi mặt, xét về điều kiện anh V là công chức công tác tại cơ quan Nhà nước thu nhập ổn định, trong khi chị Q là công nhân thu nhập không ổn định, để cháu Lan A có cuộc sống ổn định nhằm phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức và tinh thần, từ đó nghĩ nên giao cháu Lan A cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị Q có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa hôm nay anh V chưa có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu, Tòa không xem xét.

[2.5] Về án phí: anh Dương Văn V có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Dương Văn V.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Cho anh Dương Văn V và chị Lê Thị Q được ly hôn.

- **Về con chung:** anh Dương Văn V được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Dương Thị Lan A, sinh ngày 17/7/2012.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Các đương sự chưa có yêu cầu nên Tòa không xét đến.

Chị Lê Thị Q được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- **Về tài sản chung, về nợ chung:** Không có, các đương sự không yêu cầu, Tòa không xem xét.

- **Về án phí:** anh Dương Văn V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015 0014354 ngày 16/11/2017 do Chi cục thi hành án dân sự huyện C thu, anh V đã nộp đủ tiền án phí.

2. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện, tỉnh.
- CCTHADS huyện.
- Các đương sự.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Thị Trúc Linh